TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 06/01/2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Quách Tử Điệc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long** không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 299/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 07/10/1989

Địa chỉ: ấp B, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà **Trương Thị Ánh N**, sinh ngày 01/12/1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 68/5J Phạm Thái B, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Trên cơ sở quen biết từ việc hoạt động bếp cơm tình thương nên anh Nguyễn Văn V và bà Trương Thị Ánh N có quen biết với nhau. Do gặp gỡ thường xuyên nên bà N có chia sẽ với anh V về hoàn cảnh khó khăn của mình nên vào cuối năm

2018 bà N có hỏi vay tiền của anh V với số tiền 50.000.000 đồng, anh V đồng ý cho bà N vay số tiền 50.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, mượn số tiền 50.000.000đ không làm biên nhận.

Sau đó anh có chơi hụi của chị H lúc này bà N có tham gia chơi chung. Anh tham gia chơi hụi đến vài tháng sau anh hốt hụi và số tiền anh hốt là 46.000.000đ, anh không biết lý do vì sao chủ hụi không giao tiền cho anh mà giao 46.000.000đ của anh cho bà N hốt. Anh có gặp chủ hụi và bà N nói tại sao không giao hụi cho anh. Đến ngày 04/3/2019 bà N đồng ý còn nợ anh tổng cộng 96.000.000đ và anh và bà N có làm hợp đồng vay có bà N ký tên. Tại hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng thời hạn cho vay là 270 ngày tương đương 09 tháng. Trong quá trình vay nợ thì bà N chỉ trả cho anh V số tiền 10.000.000đ. Nay còn 86.000.000đ, anh đã đòi bà N trả bà N không trả.

Trên cơ sở đó, anh Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ánh N trả cho anh V số tiền vay còn lại là 86.000.000 đồng và anh V không yêu cầu lãi suất đối với số tiền này.

Bị đơn bà Trương Thị Ánh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho bà N đến Tòa án làm việc, lần đầu Tòa án gửi bà N từ chối nhận văn bản, lần hai bà N không có ở nhà không ai nhận thay, nên Tòa án đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật, đến ngày làm việc bà N không đến và không gửi bản khai ý kiến về việc anh V yêu cầu bà N trả nợ, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Anh Nguyễn Văn V yêu cầu bà Trương Thị Ánh N trả cho anh số tiền vay là 86.000.000đ không yêu cầu trả lãi.

Bà Trương Thị Ánh N vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Tòa án đã gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tống đạt hợp lệ lần 2 bà Trương Thị Ánh N đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử, bà N không đến vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt bà Trương Thị Ánh N.

[1.2] Anh Nguyễn Văn V yêu cầu bà Trương Thị Ánh N trả cho anh số tiền đã vay là 86.000.000đ không yêu cầu trả lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và bà Trương Thị Ánh N đang thường trú: số 68/5J, đường Phạm Thái B, phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết Toà án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Anh Nguyễn Văn V yêu cầu bà Trương Thị Ánh N trả cho anh số tiền bà N đã vay chưa trả là 86.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. *Hội đồng xét xử nhận định như sau*:

Thể hiện tại hợp đồng vay ngày 04/3/2019 anh V cung cấp, với nội dung của hợp đồng là "Bên cho vay (A) là Nguyễn Văn V, bên vay (B) Trương Thị Ánh N, sinh ngày 01/12/1973 CMND số 331261512 ngày 23/4/2012 tại Công an Vĩnh Long, đồng thỏa thuận ký kết hợp đồng vay nợ gồm. Số lượng tiền vay: Bên A đồng ý cho vay, bên B đồng ý vay khoản tiền của bên A là 96.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày bắt đầu từ ngày 04/3/2019, lãi suất 0%, mục đích vay làm vốn kinh doanh. Quyền và nghĩa vụ của các bên A giao đủ số lượng tiền cho vay và đúng thời gian đã ấn định nêu trên. Đảm bảo cho bên B được sử dụng ổn định số tiền vay suốt thời gian hợp đồng còn hiệu lực, được quyền yêu cầu bên B hoàn vốn ngày 04/11/2019. Quyền lợi bên B được yêu cầu bên A giao tiền đúng số lượng và đúng thời gian đã thỏa thuận, bên B cam kết thanh toán lãi phát sinh và hoàn vốn cho bên A theo đúng thời gian cụ thể nêu trên. Nếu đến hạn hoàn vốn mà việc tự thương lượng giải quyết của hai bên không đạt kết quả, một trong hai bên có quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật, hợp đồng này do hai bên tự nguyện giao kết trên cơ sở bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị Ánh N đã ký. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Trương Thị Ánh N đến Tòa án giải quyết vụ án, lần triệu tập ngày đầu bà N từ chối nhận và cho rằng không có vay, mấy ngày sau cán bộ niêm yết theo quy định pháp luật. Xét bà N đã biết anh V khởi kiện ra Tòa án và Tòa án đã triệu tập nhiều lần bà N đến Tòa án, bà N không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc anh V khởi kiện yêu cầu bà trả nợ, việc bà không đến xem như tự từ chối bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình và bà không có chứng cứ gì cho rằng bà không có vay tiền của anh Nguyễn Văn V. Ngoài ra bà N đã trả cho anh V

số tiền 10.000.000đ tiền vay. Vì vậy anh Nguyễn Văn V yêu cầu bà Trương Thị Ánh N trả cho anh số tiền 86.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[**2.2]** Về lãi suất: Anh V không yêu cầu bà N trả lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 , 177, 179 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn V.

Buộc bà Trương Thị Ánh N có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn V số tiền đã vay là 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có yêu cầu thi hành án về số tiền, nếu bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trương Thị Ánh N phải nộp 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 2.400.000đ (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003374 ngày 26/9/2025 tại Thi hành án dân sự Vĩnh Long).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 1-Vĩnh Long;
- Các đương sư;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Điệp